TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HN** **TỈNH NA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/2022/HNGĐ-ST Ngày 12 - 5 - 2022 V/v: *Ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH NA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tường;

2. Ông Trần Văn Dũng;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Oanh - cán bộ Toà án nhân dân huyện HN.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Giang - kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2022/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị TTTT; Sinh năm: 1994; Nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xóm 6, thị trấn ML, huyện HTB, tỉnh BT. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh NHM; Sinh năn: 1992; Nơi ĐKHKTT: Xóm VPP, xã LX, huyện HN, tỉnh NA. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn chị TTTT trình bày:*

Chị TTTT và anh NHM kết hôn với nhau ngày 20 tháng 02 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML, huyện HTB, tỉnh BT. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, có quá nhiều sự khác nhau về phong tục tập quán, văn hóa dẫn đến sự bất đồng về quan điểm sống. Thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Từ khi phát sinh mâu thuẫn chị T và

anh M cũng đã nhiều lần hòa giải, hai bên gia đình khuyên can nhưng không có kết quả. Anh M và chị T đã sống ly thân thời gian dài. Nay thất tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn yêu cầu ly hôn với anh NHM để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản và các khoản nợ: chị TTTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 4 năm 2022 bị đơn anh NHM xác nhận và trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị TTTT trình bày, vợ chồng đã sống ly thân 07 năm. Nay TTTT yêu cầu ly hôn, anh M hoàn toàn đồng ý. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản và các khoản nợ: anh NHM không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do các bên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị TTTT được ly hôn anh NHM. Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn anh NHM có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xóm VPP, xã LX, huyện HN, tỉnh NA. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện HN thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Nguyên đơn chị TTTT có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản cho bị

đơn là anh NHM nhưng anh M không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* chị TTTT và anh NHM có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 02 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML, huyện HTB, tỉnh BT. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của chị T, anh M và qua kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của chị TTTT và anh NHM đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị TTTT như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

[3]. *Về con chung:* Qua lời khai của chị TTTT và anh NHM, qua kết quả xác minh tại địa phương cho thấy nguyên đơn, bị đơn không có con chung nên tòa án không xem xét.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ*: Chị TTTT và anh NHM không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5].*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyên đơn chị TTTT phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị TTTT được ly hôn anh NHM.

Về án phí: Buộc chị TTTT phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi

hành án Dân sự huyện HN theo biên lai thu tiền số 0003913 ngày 15 tháng 4 năm 2022.

Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện HN;
- THA DS huyện HN
- Đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Quốc Tú